

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST
Ngày 27-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mỹ Phượng;
2. Ông Nguyễn Văn Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đăng Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: Ấp 1, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ Nguyễn Thúy H và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1988 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo có vợ Phan Thị Kim T và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày

09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

3. Võ Tấn Đ, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1984 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ và bà Lương Thị S; bị cáo có vợ Trần Thị Kim H và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1966 tại tỉnh Sóc Trăng; HKTT: Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chung sống như vợ chồng với Huỳnh Thanh Q (là bị cáo trong vụ án) và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

5. Võ Văn Q, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1978 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C và bà Nguyễn Thị N (đều đã chết); bị cáo có vợ Phạm Thị Mộng T và 03 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

6. Huỳnh Văn G, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn L và bà Võ Thị Ph; bị cáo có vợ Phạm Thị Cẩm C và 02 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

7. Nguyễn Phước L, sinh năm 1992 tại tỉnh Tây Ninh; HKTT: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước Th và bà Nguyễn Thị Th; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/12/2020, chuyển sang tạm giam từ ngày 24/12/2020, bị áp dụng

biện pháp bảo lãnh từ ngày 09/02/2021 đến ngày 23/02/2021; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/02/2021 cho đến nay; có mặt.

8. Huỳnh Thanh Q, sinh ngày 21 tháng 01 năm 1980 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh T và bà Nguyễn Thị Th; bị cáo chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Kim L (là bị cáo trong vụ án) và 01 con; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/01/2021 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 14/12/2020, tại nhà của Nguyễn Thanh T thuộc tổ 4, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài cào tó. Mức thắng thua mỗi tụ là từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng/ 01 ván. Nguyễn Thanh T không trực tiếp tham gia đánh bạc mà sử dụng địa điểm tại nhà của mình và cung cấp bài cho những người khác đánh bạc. T mua mỗi bộ bài với giá 7.000 đồng và bán lại với giá 20.000 đồng. Nếu ván bài nào có “Liêng” thì người thắng phải trả tiền bài cho T. Trong ngày 14/12/2020, T đã bán 03 bộ bài và thu lợi bất chính 39.000 đồng. Bị tạm giữ 750.000 đồng. Sòng bạc hoạt động đến 22 giờ cùng ngày thì bị bắt quả tang và thu giữ tại chiếu bạc số tiền 3.380.000 đồng cùng nhiều tang vật khác.

Nguyễn Văn H mang theo và sử dụng 6.660.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, H không biết thắng hay thua và rút số tiền cầm trên tay xuống chiếu bạc, bị tạm giữ 6.220.000 đồng.

Võ Tấn Đ mang theo và sử dụng 1.550.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, Đ thắng 160.000 đồng và rút số tiền này xuống chiếu bạc, bị tạm giữ 1.550.000 đồng.

Nguyễn Thị Kim L mang theo và sử dụng 1.230.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, L thua 500.000 đồng, bị tạm giữ 730.000 đồng.

Võ Văn Q mang theo và sử dụng 1.200.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, Q thua 500.000 đồng, bị tạm giữ 700.000 đồng.

Huỳnh Văn G mang theo và sử dụng 700.000 đồng vào việc đánh bạc. G thua 680.000 đồng, còn lại 20.000 đồng đang đặt cược dưới chiếu bạc thì bị bắt.

Nguyễn Phước L mang theo và sử dụng 610.000 đồng vào việc đánh bạc. Khi bị bắt, L thua 500.000 đồng, bị tạm giữ 110.000 đồng.

Huỳnh Thanh Q chơi chung tụ với L được khoảng 04 đến 05 ván thì Q về trước.

Như vậy, tổng số tiền dùng để đánh bạc là 11.950.000 đồng.

* Vật chứng vụ án:

- Tiền Việt Nam: 13.440.000 đồng (đã xác định thật giả);
- 10 bộ bài tây (có 07 bộ đã qua sử dụng);
- 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imel: 357732107675487 Xe mô tô loại Exciter, biển số: 70K1-539.23, số khung: RLCUG1010KY105309, số máy: 03D4E871744 của bị cáo Nguyễn Văn H;
- 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imel: 351955032931073 và xe mô tô loại Wave, biển số: 70F6-9171, số khung: HHMN6H001208, số máy: 52FMHV501208 của bị cáo Võ Văn Q;
- 01 điện thoại di động Samsung J6+, màu đen, số Imel: 352812101165563 của bị cáo Nguyễn Phước L;
- 01 điện thoại di động Wiko, màu đen, số Imel: 359570099727330 và xe mô tô loại Wave, biển số 68S5-6028, số khung: CH0051H004398, số máy: không có, của bị cáo Nguyễn Thị Kim L;
- 01 điện thoại di động Samsung galaxy A50, màu đen, số Imel: 356646103932448 của bị cáo Nguyễn Thanh T;
- Xe mô tô loại Dream, biển số 70H3-9500, số khung: J1100701525, số máy: FMG00701327 của bị cáo Võ Tấn Đ;
- Xe mô tô loại Wave, biển số: 70H1-296.84, số khung: 3908HY029040, số máy: JA39E0029090 của bị cáo Huỳnh Văn G.

* Kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSTB, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q về tội “Đánh bạc” và đề nghị:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Tấn Đ số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn Q số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Văn G số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh Q số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Vào khoảng 18 giờ ngày 14/12/2020 tại nhà của Nguyễn Thanh T thuộc tổ 4, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang 08 đối tượng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào tổ được thua bằng tiền gồm: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q. Tổng số

tiền dùng vào việc đánh bạc được xác định là **11.950.000 đồng**. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 21/CT-VKSTB, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của những người tham gia. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và phát sinh các loại tội phạm khác, đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc tại địa phương, giữ gìn trật tự công cộng nói chung và phòng chống các loại tội phạm nói riêng nên cần phải có mức án tương xứng đối với các bị cáo.

[4] Xét mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T là người cung cấp bài và địa điểm cho các bị cáo khác tham gia đánh bạc, bị cáo Nguyễn Văn H là người sử dụng số tiền 6.660.000 đồng cao nhất trong số những người tham gia đánh bạc nên cần xử 02 bị cáo mức án bằng nhau và cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q tham gia đánh bạc số tiền từ 610.000 đồng đến 1.550.000 đồng và là lần đầu tham gia đánh bạc nên cần xử các bị cáo mức án phạt tiền cũng đủ răn đe đối với các bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thanh T và Nguyễn Văn H có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và ấn định thời gian thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[9] Hình phạt bổ sung:

Cần phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Cần phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q.

[10] Xử lý vật chứng:

10.1. Tịch thu tiêu hủy: 10 bộ bài tây (có 07 bộ đã qua sử dụng);

10.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền và tài sản của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và thắng bạc gồm:

- Số tiền thu tại chiếu bạc 3.380.000 (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 6.220.000 (sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Võ Tấn Đ số tiền 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Thị Kim L số tiền 730.000 (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Võ Văn Q số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Phước L số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 39.000 (ba mươi chín nghìn) đồng.

10.3. Tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

- Của bị cáo Nguyễn Thanh T: Số tiền 711.000 (bảy trăm mười một nghìn) đồng và 01 điện thoại di động Samsung galaxy A50, màu đen, số Imel: 356646103932448;

- Của bị cáo Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imel: 357732107675487 và xe mô tô loại Exciter, biển số: 70K1-539.23, số khung: RLCUG1010KY105309, số máy: 03D4E871744;

- Của bị cáo Võ Văn Q: 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imel: 351955032931073 và xe mô tô loại Wave, biển số: 70F6-9171, số khung: HHMN6H001208, số máy: 52FMHV501208;

- Của bị cáo Nguyễn Phước L: 01 điện thoại di động Samsung J6+, màu đen, số Imel: 352812101165563;

- Cửa bị cáo Nguyễn Thị Kim L: 01 điện thoại di động Wiko, màu đen, số Imel: 359570099727330 và xe mô tô loại Wave, biển số 68S5-6028, số khung: CH0051H004398, số máy: không có;

- Cửa bị cáo Võ Tấn Đ: Xe mô tô loại Dream, biển số 70H3-9500, số khung: J1100701525, số máy: FMG00701327;

- Cửa bị cáo Huỳnh Văn G: Xe mô tô loại Wave, biển số: 70H1-296.84, số khung: 3908HY029040, số máy: JA39E0029090.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để đảm bảo thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự;

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L, Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/4/2021) về tội “Đánh bạc”.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/4/2021) về tội “Đánh bạc”.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong thời gian giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Tấn Đ số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn Q số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn G số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

1.8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh Q số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

2. Hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước về tội “Đánh bạc”.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1 . Tịch thu tiêu hủy: 10 bộ bài tây (có 07 bộ đã qua sử dụng);

3.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền và tài sản của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và thắng bạc gồm:

- Số tiền thu tại chiếu bạc 3.380.000 (ba triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 6.220.000 (sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Võ Tấn Đ số tiền 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Thị Kim L số tiền 730.000 (bảy trăm ba mươi nghìn) đồng;

Của bị cáo Võ Văn Q số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Phước L số tiền 110.000 (một trăm mười nghìn) đồng;

Của bị cáo Nguyễn Thanh T số tiền 39.000 (ba mươi chín nghìn) đồng.

3.3. Tạm giữ tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

- Của bị cáo Nguyễn Thanh T: Số tiền 711.000 (bảy trăm mười một nghìn) đồng và 01 điện thoại di động Samsung galaxy A50, màu đen, số Imel: 356646103932448;

- Của bị cáo Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imel: 357732107675487 Xe mô tô loại Exciter, biển số: 70K-539.23, số khung: RLCUG1010KY105309, số máy: 03D4E871744;

- Của bị cáo Võ Văn Q: 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, số Imel: 351955032931073 và xe mô tô loại Wave, biển số: 70F6-9171, số khung: HHMN6H001208, số máy: 52FMHV501208;

- Của bị cáo Nguyễn Phước L: 01 điện thoại di động Samsung J6+, màu đen, số Imel: 352812101165563;

- Của bị cáo Nguyễn Thị Kim L: 01 điện thoại di động Wiko, màu đen, số Imel: 359570099727330 và xe mô tô loại Wave, biển số 68S-6028, số khung: CH0051H004398, số máy: không có;

- Của bị cáo Võ Tấn Đ: Xe mô tô loại Dream, biển số 70H3-9500, số khung: J1100701525, số máy: FMG00701327;

- Của bị cáo Huỳnh Văn G: Xe mô tô loại Wave, biển số: 70H1-296.84, số khung: 3908HY029040, số máy: JA39E0029090.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì Chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để đảm bảo thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự;

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn H, Võ Tấn Đ, Nguyễn Thị Kim L,

Võ Văn Q, Huỳnh Văn G, Nguyễn Phước L và Huỳnh Thanh Q mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAT;
- Sở tư pháp TN;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án;P.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương